

# NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG NỀN TẢNG TRỰC TUYẾN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Trần Thị Trung Hiếu

Khoa tiếng Anh Chuyên ngành, Trường Đại học Ngoại thương

Email: hieu.tran@ftu.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này tập trung đề xuất và thực nghiệm một nền tảng quản lý học tập (LMS) phù hợp cho học phần tiếng Anh chuyên ngành 1 (ESPI) tại Trường Đại học Ngoại thương, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh và hỗ trợ quá trình chuyển đổi số trong giáo dục ngoại ngữ. Bằng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, nghiên cứu kết hợp phân tích lý thuyết, khảo sát định lượng, thực nghiệm so sánh trên 400 sinh viên cùng phỏng vấn bán cấu trúc các giảng viên và đại diện doanh nghiệp. Kết quả thực nghiệm cho thấy sinh viên sử dụng LMS theo mô hình lớp học đảo ngược đạt kết quả học tập, mức độ tương tác và khả năng tự học cao hơn đáng kể so với nhóm học theo phương pháp truyền thống. Các kiểm định thống kê (Paired T-test, Independent T-test, tương quan Spearman, ANOVA) xác nhận mối quan hệ tích cực giữa tần suất sử dụng nền tảng, mức độ hài lòng và hiệu quả học tập. Dữ liệu định tính cũng nhấn mạnh tiềm năng kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua phân tích dữ liệu học tập và quản lý giảng dạy trên nền tảng. Nghiên cứu khẳng định tính khả thi của mô hình và đề xuất khả năng mở rộng ứng dụng LMS cho các học phần ngoại ngữ khác trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học.

**Từ khóa:** Nền tảng giảng dạy trực tuyến, LMS, lớp học đảo ngược, ESPI, chất lượng giảng dạy; quản lý học tập, chuyển đổi số giáo dục.

## A STUDY ON APPLYING ONLINE PLATFORMS TO IMPROVE THE QUALITY OF ENGLISH TEACHING AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY

**Abstract:** This study proposes and pilots a learning management system (LMS) suitable for the English for Specific Purposes 1 (ESPI) course at Foreign Trade University, with the aim of improving English teaching quality and supporting digital transformation in foreign language education. Using a mixed-methods approach, the study combines theoretical analysis, a quantitative survey, a comparative experiment with 400 students, and semi-structured interviews with lecturers and business representatives. The experimental results show that students who used the LMS within a flipped-classroom model achieved significantly higher learning outcomes, levels of interaction, and self-study capacity than those taught using traditional methods. Statistical tests (paired t-test, independent t-test, Spearman correlation, ANOVA) confirm positive relationships among platform usage frequency, satisfaction, and learning effectiveness. Qualitative evidence further highlights the platform's potential to strengthen university-industry linkages through learning analytics and instructional management. The study confirms the feasibility of the proposed model and suggests the scalability of LMS adoption for other foreign-language courses in the context of higher-education reform.

**Keywords:** online teaching platform; LMS; flipped classroom; ESPI; teaching quality; learning management; educational digital transformation.

Nhận bài: 11/01/2026

Phản biện: 06/02/2026

Duyệt đăng: 09/02/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang có tác động mạnh mẽ tới từng quốc gia trên mọi khía cạnh và lĩnh vực của đời sống trong đó có giáo dục. Trước những thay đổi lớn lao của giáo dục dưới tác động cũng như yêu cầu của cuộc cách mạng này, các trường học buộc phải thay đổi để phù hợp với xu thế chung của thời đại. Các trường học hiện nay, ngoài chức năng giáo dục văn hoá, còn mong muốn trở thành những trung tâm sáng tạo tri thức và chuyên gia công nghệ. Để hoàn thành mục tiêu ấy, trường học cần một mô hình giúp các giáo viên hay học sinh có thể khám phá khoa học, nâng cao hoàn thiện kiến thức, đồng thời giúp họ có thể học tập một cách linh hoạt ở bất cứ địa điểm nào khi không thể đến các cơ sở

giáo dục do sự tác động của nhiều nguyên nhân khách quan. Theo đó, xây dựng nền tảng giảng dạy trực tuyến là một phương thức hiệu quả để đáp ứng những yêu cầu đã đặt ra trong bối cảnh hiện tại.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Khái niệm về nền tảng giảng dạy trực tuyến

Nền tảng giảng dạy trực tuyến là một hệ thống công nghệ được thiết kế để hỗ trợ việc giảng dạy và học tập qua Internet. Các nền tảng này cho phép người dùng truy cập vào kho tài liệu học tập phong phú, tham gia các khóa học và tương tác với giảng viên cũng như các học viên khác từ bất kỳ đâu và vào bất kỳ thời điểm nào. Thông qua nền tảng giảng dạy trực tuyến, người học có

thể tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt và hiệu quả, từ các video bài giảng, bài kiểm tra, đến các diễn đàn thảo luận. Đặc biệt, với sự phát triển của công nghệ, nhiều nền tảng hiện nay còn tích hợp các tính năng như quản lý tiến độ học tập, đánh giá hiệu quả học tập và tạo môi trường học tập tương tác, giúp nâng cao trải nghiệm học tập. Sau đây, chúng tôi sẽ tìm hiểu, phân tích và đánh giá các nền tảng giảng dạy trực tuyến được xây dựng và phát triển trên thế giới và tại Việt Nam trong những năm vừa qua.

## 2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

Trên thế giới, Moodle được xem là một trong những hệ thống LMS (Learning Management System) mã nguồn mở tốt nhất, xây dựng theo chuyên đề (module) và được Martin Dougiamas sáng lập năm 1999. Trong nghiên cứu “Improving the effectiveness of online learning”, Martin (1999) tìm kiếm phương pháp dạy học trực tuyến thay thế WebCT và bắt đầu thử nghiệm các nguyên mẫu của một LMS mới mang tên Moodle. Sau đó, ông đăng ký từ “Moodle” làm nhãn hiệu của Moodle Pty Ltd và giải thích lựa chọn tên gọi trong một bài đăng trên diễn đàn vài năm sau. Năm 2001, Martin cùng Peter C. Taylor xây dựng khóa học sau đại học trực tuyến “Chủ nghĩa kiến tạo” tại Đại học công nghệ Curtin dành cho giáo viên phát triển chuyên môn từ xa, với các mục tiêu: (i) tìm hiểu về chủ nghĩa kiến tạo; (ii) phân tích, đánh giá quá trình học tập của bản thân; (iii) học tập hợp tác dựa trên thấu hiểu và đồng cảm. Khóa học được triển khai trên trang Moodle đầu tiên do Peter xây dựng bằng hệ thống phần mềm Martin phát triển. Trong “Interpretive analysis of an internet-based course constructed using a new courseware tool called Moodle”, hai tác giả thực hiện nghiên cứu điển giải nhằm đánh

giá trải nghiệm của giáo viên và sinh viên, đồng thời cải thiện chất lượng khóa học và năng lực của Moodle như công cụ tạo lập khóa học trực tuyến trong tương lai (Martin & Taylor, 2001). Đến năm 2020, Moodle trở thành phần mềm dạy học trực tuyến phổ biến với hơn 100 ngàn website đăng ký và hơn 180 triệu người dùng.

Bên cạnh đó, Zoom Cloud Meetings là nền tảng hội nghị trực tuyến nổi bật, cho phép tổ chức lớp học qua “phòng học ảo”, chia sẻ màn hình, bảng trắng và chat. Zoom Video Communications, Inc do Eric Yuan (cựu kỹ sư trưởng Cisco/WebEx) thành lập năm 2011; Zoom ra mắt tháng 1/2013 và đạt hơn 1 triệu người dùng vào tháng 5/2013. Đến 2015, Zoom Meetings đạt 40 triệu người tham gia và 65.000 tổ chức đăng ký. Đầu năm 2020, nhu cầu tăng vọt do phong tỏa COVID-19; nhiều cơ sở giáo dục chuyển sang dạy trực tuyến, Zoom hỗ trợ miễn phí cho nhiều trường K-12. Ứng dụng có ngày đạt 343.000 lượt tải, khoảng 18% từ Hoa Kỳ; trong những tháng đầu 2020, Zoom có hơn 2,22 triệu người dùng—cao hơn tổng năm 2019. Yuan (2020) nhấn mạnh COVID-19 thúc đẩy nhanh giao tiếp video và điện toán đám mây, làm thay đổi cách học, làm việc và tương tác.

Ngoài Moodle và Zoom, giáo dục trực tuyến còn phổ biến với Google Classroom và Microsoft Teams. Google Classroom (ra mắt 2014) là nền tảng miễn phí, hỗ trợ tạo lớp, quản lý người học, giao bài, phản hồi và tích hợp Google Drive/Docs/Sheets. Microsoft Teams (ra mắt 2017) thuộc Office 365, nhanh chóng khẳng định vai trò trong giáo dục nhờ tính năng hội nghị và cộng tác. Trong bối cảnh giáo dục số và tác động COVID-19, việc lựa chọn nền tảng phù hợp trở nên quyết định; tổng quan này hướng tới so sánh các nền tảng theo tính khả dụng, tính năng, khả năng truy cập và hiệu quả hỗ trợ dạy – học trực tuyến.

Tiêu chí	Moodle	Microsoft Teams	Google Meet	Zoom
1. Tính hiệu quả của nội dung	+ Có thể tích hợp khóa học theo trình độ và chuẩn CEFR; giáo viên tự xây dựng nội dung chi tiết.	+ Cho phép chia sẻ tài liệu học phù hợp; tích hợp với OneNote, Forms, ... nhưng cần thiết kế riêng theo CEFR.	- Chủ yếu hỗ trợ dạy học qua video, không có hệ thống nội dung học cố định.	- Chủ yếu là nền tảng học trực tuyến, không có nội dung giảng dạy tích hợp sẵn.

2. Tính tương tác	+ Tương tác rất tốt qua các diễn đàn, chat, quiz, bài tập, cuộc thảo luận và video.	+ Tương tác tốt qua chat, video, chia sẻ tài liệu, breakout rooms.	- Hạn chế là chỉ có gọi video, chat cơ bản, không có quiz hay tương tác sâu.	+ Tương tác tốt qua gọi video, chat, breakout rooms, poll, quiz (khi kết hợp với plugin).
3. Mức độ cá nhân hóa	+ Mức độ cá nhân hóa rất cao thông qua theo dõi tiến trình học, bài tập cá nhân, lộ trình học theo mục tiêu.	+ Có thể cá nhân hóa nhưng chủ yếu phụ thuộc vào giáo viên tạo nội dung.	- Không có chức năng cá nhân hóa nội dung học.	- Không hỗ trợ cá nhân hóa nội dung học, chỉ là công cụ giao tiếp.
4. Tính thân thiện với người dùng	- Cần thời gian làm quen; mạnh về tính năng nhưng giao diện hơi phức tạp.	+ Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, tích hợp với hệ sinh thái Microsoft.	+ Rất dễ sử dụng, giao diện đơn giản, chạy mượt trên nhiều thiết bị.	+ Dễ sử dụng, phổ biến, hỗ trợ tốt trên web và mobile.
5. Chi phí và khả năng tiếp cận	+ Miễn phí (mã nguồn mở); chạy tốt ở nhiều khu vực, tùy cấu hình server.	+ Miễn phí cho giáo dục; cần tài khoản Microsoft; yêu cầu kết nối ổn định.	+ Miễn phí; hoạt động tốt trên trình duyệt, phù hợp người học có điều kiện hạn chế.	+ Có bản miễn phí giới hạn thời gian; dễ tiếp cận nhưng bản Pro khá đắt.

*Bảng 1: Bảng so sánh các nền tảng giảng dạy tiếng Anh trực tuyến*

Bảng so sánh cho thấy Moodle là nền tảng học tập trực tuyến mạnh nhất về tính hiệu quả nội dung, mức độ cá nhân hóa và tính tương tác, đặc biệt phù hợp với chương trình học theo chuẩn CEFR, dù giao diện cần thời gian làm quen. Microsoft Teams nổi bật nhờ tính thân thiện với người dùng, khả năng tương tác tốt và tích hợp hệ sinh thái Microsoft, nhưng vẫn cần giáo viên thiết kế nội dung phù hợp chuẩn. Google Meet và Zoom chủ yếu hỗ trợ dạy học qua video, không tích hợp sẵn nội dung học, tuy có ưu điểm về giao diện dễ dùng, khả năng tiếp cận cao, nhưng hạn chế về tính cá nhân hóa và tính tương tác chuyên sâu. Về chi phí, cả Moodle, Teams và Meet đều miễn phí, trong khi Zoom có bản miễn phí giới hạn và bản Pro tính phí cao hơn. Ngoài những nền tảng giảng dạy tiếng Anh trực tuyến nổi bật trên thế giới, năm 2020 đánh dấu sự ra mắt của sản phẩm LMS Pro – eLearning tại Việt Nam. VnResource LMS Pro - eLearning nổi bật như một trong những phần mềm quản lý đào tạo hàng đầu được phát triển bởi VnResource. Hệ thống này là nền tảng đào tạo trực tuyến phù hợp với doanh nghiệp Việt nhờ giao diện thân thiện, hỗ trợ tiếng Việt và tích hợp sâu với các hệ thống quản lý nhân sự, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp và tổ chức. So với Moodle, LMS Pro dễ triển khai, ít phụ thuộc kỹ thuật, nhưng không miễn phí và cộng đồng nhỏ hơn. Trong khi đó, Zoom, MS Teams, và Google

Meet chỉ hỗ trợ họp trực tuyến, không có tính năng quản lý khóa học, đánh giá hay báo cáo đào tạo. LMS Pro có thể tích hợp các nền tảng họp để hoàn thiện trải nghiệm đào tạo toàn diện cho doanh nghiệp.

### **2.3. Đánh giá thực trạng các nền tảng giảng dạy trực tuyến môn tiếng Anh**

Trong mười năm gần đây, sự phát triển của công nghệ thông tin đã thúc đẩy thời đại số, tác động mạnh đến kinh tế, chính trị và văn hóa. Trong xu thế hội nhập toàn cầu, Việt Nam và ngành giáo dục đào tạo cũng phải đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Giáo dục 4.0 gắn với CMCN lần thứ IV nhấn mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa, tạo diện mạo mới cho giáo dục Việt Nam. Sự phổ cập Internet thúc đẩy giáo dục mở với MOOCs (Coursera, Udemy, edX), học liệu mở với các ứng dụng học tập và kiểm tra thích ứng như Acellus, IXL, Mathletics, và khoa học mở qua các cơ sở dữ liệu Open Access. Sự phát triển của các nền tảng này cho thấy “giáo dục số” có cơ sở tồn tại và tiềm năng trở thành tương lai giáo dục.

Trong bối cảnh đó, xây dựng nền tảng giảng dạy trực tuyến phổ khắp, tích hợp tài liệu đa chuyên ngành là mục tiêu của Bộ GD&ĐT và các trường, nhằm giảm thời gian lên lớp, tăng tư duy và tự học (autonomous learning), giúp người học tiếp cận mô hình hiện đại. Blended learning với

mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) là giải pháp phù hợp: người học tự nghiên cứu qua video, học liệu trước ở nhà; trên lớp tập trung hỏi–đáp, làm bài tập, thảo luận nhóm để hiểu sâu; thời lượng có thể theo tỷ lệ 70% trực tiếp và 30% trực tuyến. Khảo sát của Chi (2005) tại Trường Đại học Ngoại thương cho thấy dù gần 70% sinh viên chưa biết khái niệm flipped classroom, đa số có khả năng tự học online (95%), thích tương tác và giải quyết vấn đề (93%) và hào hứng khi áp dụng (92%). Điều này khẳng định tính khả thi cao, gợi ý nên ưu tiên xây dựng học liệu phù hợp. Nhiều đại học Việt Nam đã phát triển nền tảng riêng; vì vậy, ứng dụng công nghệ trực tuyến để nâng cao dạy học tiếng Anh tại FTU là tất yếu.

#### **2.4. Đề xuất xây dựng một nền tảng giảng dạy trực tuyến phù hợp tại trường Đại học Ngoại thương**

Nghiên cứu tập trung phân tích quá trình vận hành các nền tảng trực tuyến và thực nghiệm một nền tảng với học phần tiếng Anh chuyên ngành 1 (ESP1) tại Trường Đại học Ngoại thương, nhằm đánh giá hiệu quả giảng dạy và khả năng mở rộng áp dụng cho các học phần ngoại ngữ khác. Đối tượng nghiên cứu là các nền tảng trực tuyến dạy tiếng Anh tại trường; khách thể gồm 400 sinh viên trình độ B1 thuộc nhiều chương trình đào tạo (đào tạo chính quy tại trụ sở Hà Nội và cơ sở Quảng Ninh), có khả năng sử dụng công nghệ, cùng 3 giảng viên và 1 doanh nghiệp tham gia thực nghiệm. Nghiên cứu triển khai tại Khoa Tiếng Anh chuyên ngành – trụ sở Hà Nội, bao gồm giai đoạn vận hành nền tảng đến nay và 2 kỳ thực nghiệm nền tảng đề xuất.

Để đánh giá tác động của nền tảng LMS đến chất lượng giảng dạy, nghiên cứu dùng thực nghiệm so sánh với 400 sinh viên, chia thành 200 sinh viên học theo mô hình lớp học đảo ngược trên LMS và 200 sinh viên học theo phương pháp truyền thống không dùng LMS. Thiết kế so sánh gồm: (1) so sánh cùng một nhóm trước–sau khi áp dụng LMS để xác định thay đổi về kết quả và trải nghiệm học tập; (2) so sánh giữa hai nhóm dùng và không dùng LMS trong cùng điều kiện giảng viên, học liệu... theo các tiêu chí: hiệu quả giảng dạy và quản lý học tập; tương tác và trải nghiệm người học; quản trị và cải tiến giảng dạy.

Nghiên cứu kết hợp định tính–định lượng: phân tích và tổng hợp lý thuyết; khảo sát bằng hỏi Google Forms (câu hỏi đóng/mở) về mức độ sử dụng nền tảng (Google Meet, Zoom, LMS,

Moodle, MS Teams...), mức độ hài lòng, đánh giá chất lượng giảng dạy (Likert 1–5) và kết quả học tập; phỏng vấn bán cấu trúc 3 giảng viên và 1 quản lý doanh nghiệp. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS với Paired T-test, Independent T-test, Spearman correlation và ANOVA.

#### **2.5. Phân tích các kết quả nghiên cứu**

Kết quả tổng hợp từ hai kỳ thực nghiệm và quá trình vận hành nền tảng giảng dạy trực tuyến được đề xuất cho thấy nền tảng LMS đã mang lại những cải thiện rõ rệt đối với chất lượng giảng dạy và học tập học phần ESP1 tại Trường Đại học Ngoại thương. Dữ liệu thu thập từ 400 sinh viên và 3 giảng viên tham gia cho phép phân tích đa chiều về hiệu quả của mô hình lớp học đảo ngược so với phương pháp truyền thống. Thứ nhất, kết quả Paired T-test đối với nhóm 200 sinh viên được học bằng nền tảng LMS cho thấy điểm số sau học tăng trung bình 8–12% so với trước khi áp dụng. Sinh viên cũng báo cáo mức độ chủ động và tự tin trong việc xử lý học liệu tăng lên, đặc biệt trong các kỹ năng đọc hiểu và từ vựng chuyên ngành. 74% sinh viên cho biết họ cảm thấy quá trình học “có cấu trúc hơn” và “dễ theo dõi tiến độ hơn”, nhờ các công cụ phân phối nội dung, bài tập và phản hồi tức thời trên LMS. Thứ hai, so sánh giữa nhóm học bằng LMS và nhóm học theo phương pháp truyền thống cho thấy sự khác biệt đáng kể ở cả ba nhóm tiêu chí. Independent T-test chỉ ra nhóm sử dụng LMS đạt hiệu quả cao hơn về: (1) quản lý học tập (tăng 15% mức độ hoàn thành bài tập); (2) tương tác giảng viên–sinh viên (tăng 20% tần suất trao đổi trên diễn đàn, bình luận bài học); và (3) trải nghiệm học tập (88% sinh viên đánh giá nền tảng “thuận tiện” hoặc “rất thuận tiện”). Giảng viên tham gia thực nghiệm cũng nhận xét rằng việc quản lý nội dung, theo dõi tiến độ và đưa ra phản hồi trở nên “nhanh chóng, minh bạch và tiết kiệm thời gian hơn 30%” so với phương pháp truyền thống. Thứ ba, phân tích tương quan Spearman cho thấy tần suất truy cập nền tảng LMS có liên hệ dương mức trung bình với mức độ hài lòng ( $\rho \approx 0.52$ ), cho thấy sinh viên càng thường xuyên tương tác trên hệ thống thì mức độ đánh giá tích cực về chất lượng giảng dạy và hỗ trợ càng cao. Điều này phản ánh tính phù hợp của mô hình lớp học đảo ngược khi gắn chặt hoạt động tự học với không gian trực tuyến. Thứ tư, phân tích ANOVA so sánh giữa các nền tảng trực tuyến phổ biến (Zoom, Meet, MS Teams...) và nền tảng LMS đề xuất cho thấy LMS vượt trội

rõ rệt ở tiêu chí hiệu quả học tập ( $p < 0.05$ ). Các nền tảng học trực tuyến truyền thống tỏ ra hữu ích trong giảng dạy đồng bộ nhưng bị hạn chế về theo dõi quá trình học, quản lý bài tập và phân tích dữ liệu – những chức năng mà LMS đáp ứng đầy đủ. Cuối cùng, dữ liệu định tính từ phỏng vấn giảng viên và đại diện doanh nghiệp cho thấy nền tảng LMS không chỉ cải thiện chất lượng giảng dạy tiếng Anh mà còn tạo cơ sở kết nối giữa trường đại học và doanh nghiệp. Giảng viên đánh giá cao tính năng phân tích dữ liệu học tập giúp điều chỉnh tiến độ, năng lực và nội dung. Đại diện doanh nghiệp khẳng định nền tảng có tiềm năng tích hợp với các chương trình đào tạo nội bộ, mở ra hướng hợp tác phát triển hệ sinh thái học tập số giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tổng thể, các kết quả thực nghiệm và phân tích thống kê cho thấy nền tảng LMS được đề xuất có tính khả thi cao, cải thiện đáng kể kết quả học tập, tương tác giảng dạy và chất lượng quản lý lớp học ESP1. Mô hình này hoàn toàn có thể được mở rộng cho các học phần ngoại ngữ khác tại Trường Đại học Ngoại thương, đồng thời đóng góp vào định hướng chuyển đổi số trong giảng dạy ngoại ngữ hiện nay.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chứng minh tính khả thi và hiệu quả của việc xây dựng và triển khai một nền

tảng giảng dạy trực tuyến phù hợp cho học phần ESP1 tại Trường Đại học Ngoại thương, đồng thời khẳng định vai trò của mô hình lớp học đảo ngược trong nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Thông qua phương pháp thực nghiệm so sánh, khảo sát định lượng – định tính và phỏng vấn chuyên sâu, kết quả cho thấy nền tảng LMS được đề xuất mang lại cải thiện rõ rệt về hiệu quả học tập, mức độ tương tác, khả năng quản lý – theo dõi tiến độ và sự hài lòng của người học so với phương pháp giảng dạy truyền thống. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm sinh viên, cùng với mối liên hệ tích cực giữa tần suất sử dụng và kết quả học tập, khẳng định vai trò trung tâm của nền tảng trực tuyến trong hỗ trợ giảng viên và sinh viên. Đồng thời, các phân tích định tính cũng làm rõ tiềm năng kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng nền tảng trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Tổng thể, nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc mở rộng mô hình sang các học phần ngoại ngữ khác, đồng thời gợi mở những định hướng tiếp tục hoàn thiện nền tảng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy tại trường Đại học Ngoại thương trong giai đoạn hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dinh, C.-T., & Phuong, H. Y. (2025). *Teaching self-regulated learning strategies on EFL students in MOOCs: A case study in Vietnam*. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 26(1), Article 6.
- Dinh, T. T. L., Tran, X. T., Le, T. H. T., & Pham, U. H. T. (2024). *The implementation of blended learning for English courses at higher education in Vietnam: Teachers' perceptions*. *AsiaCALL Online Journal*, 15(1), 1–18. Retrieved from <https://doi.org/10.54855/acoj.241511>
- Dương, T. T., & cộng sự. (2021). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Nghiên cứu tổng quan*. *TNU Journal of Science and Technology*, 226(09), 139–146.
- Le, M. T. T., & Tran, V. K. (2023). *Synchronous virtual learning students' experience and the prospect in Vietnam*. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 24(3), Article 9.
- Ly, T. N. L., Nguyen, T. L., & Nguyen, H. N. (2021). *Using e-learning platforms in online classes: A survey on tertiary English teachers' perceptions*. *AsiaCALL Online Journal*, 12(5), 34–53. Retrieved from <https://asiacall.info/acoj>
- Martin, D. (1999). *Improving the effectiveness of online learning*. Retrieved from <https://moodle.org>
- Martin, D., & Taylor, P. C. (2001). *Interpretive analysis of an internet-based course constructed using a new courseware tool called Moodle*. *Curtin University of Technology*.
- Nguyen, T. H., Nguyen, T. H. H., Nguyen, H. M., & Nguyen, T. H. (2024). *Online professional learning communities for English language teachers at Vietnamese economics universities*. In *Engaging with Australasia: Comparative Research on ELT and English Teacher Education* (pp. 251–276).
- Tran, T. T. H., & Ngo, H. T. (2024). *Measures taken by lecturers in teaching language skills to large EFL classes online at some universities in Vietnam*. *AsiaCALL Online Journal*, 15(1), 1–18. Retrieved from <https://doi.org/10.54855/acoj.241516>
- Trịnh, T. P. T., & cộng sự. (2023). *Xu hướng nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục: Một phân tích tổng quan*. *Tạp chí Giáo dục*, 23(Số đặc biệt 9), 77–82.
- Yuan, E. (2025). *Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ* [Speech presented at Vietnam–U.S. Business Forum, Ho Chi Minh City].